Digitally signed by Vn phòng y ban nhân dân
Date: 2019.04.08 15:13:24 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐỒNG NAI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 17 /2019/QĐ-UBND | *Đồng Nai, ngày 05 tháng 4 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 640/TTr-SCT ngày 27/02/2019.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau:**

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình khuyến công là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công địa phương trong từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

2. Kế hoạch khuyến công: Là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công bao gồm: Kế hoạch khuyến công cấp tỉnh và kế hoạch khuyến công cấp huyện.

3. Đề án khuyến công là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung, đối tượng thụ hưởng, thời gian thực hiện và kinh phí xác định. Đề án khuyến công do Sở Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương để triển khai các hoạt động khuyến công của địa phương theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đề án khuyến công điểm (sau đây gọi là đề án điểm) được lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh địa phương; có từ 02 nội dung hoạt động khuyến công và 02 đối tượng thụ hưởng trở lên; thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm; các nội dung hoạt động khuyến công trong đề án có sự liên kết nhằm khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

5. Đề án khuyến công theo nhóm (sau đây gọi là đề án nhóm) có từ 02 đối tượng thụ hưởng trở lên thực hiện cùng một nội dung hoạt động khuyến công.

2. Điểm a, Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

"a) Cơ sở xây dựng chương trình khuyến công

- Kết quả thực hiện chương trình khuyến công của giai đoạn 05 năm trước;

- Kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Đăng ký chương trình khuyến công giai đoạn 05 năm của UBND cấp huyện."

3. Điều 4 được sửa đổi như sau:

"**Điều 4. Trình tự xây dựng và phê duyệt kế hoạch khuyến công**

1. Nội dung kế hoạch khuyến công

a) Nội dung cơ bản kế hoạch khuyến công, gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ khuyến công;

b) Phương thức xét chọn các đề án khuyến công khi xây dựng kế hoạch:

- Khi rà soát, lựa chọn đề án đăng ký kế hoạch khuyến công hàng năm ưu tiên các đề án khuyến công điểm; xét ưu tiên về địa bàn trước rồi mới đến ưu tiên về ngành nghề, đơn vị thụ hưởng;

- Trường hợp nhiều đề án đăng ký có cùng địa bàn thì xét chọn đề án theo ngành nghề ưu tiên;

- Trường hợp cùng địa bàn, cùng ngành nghề thì ưu tiên xét chọn đề án có đơn vị thụ hưởng là các hợp tác xã, tổ hợp tác.

2. Thẩm định kế hoạch khuyến công

a) Đối với kế hoạch khuyến công cấp tỉnh:

Sở Công Thương tổ chức thẩm định danh mục các đề án, nhiệm vụ khuyến công cấp tỉnh (do Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp đăng ký) thông qua bộ máy giúp việc hoặc Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Sau khi thẩm định, các đề án, nhiệm vụ được tổng hợp thành kế hoạch khuyến công của tỉnh.

b) Đối với kế hoạch khuyến công cấp huyện:

UBND cấp huyện tổ chức thẩm định các nhiệm vụ khuyến công cấp huyện (do Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng đăng ký) thông qua bộ máy giúp việc hoặc Hội đồng thẩm định do UBND cấp huyện quyết định thành lập.

3. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch khuyến công

a) UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp tỉnh;

b) UBND cấp huyện phê duyệt đối với kế hoạch khuyến công cấp huyện.

4. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công đợt 1

a) Định kỳ tháng 3 hàng năm, Sở Công Thương triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công cấp tỉnh năm tiếp theo đến UBND cấp huyện;

b) Đăng ký kế hoạch khuyến công

Kế hoạch khuyến công cấp tỉnh được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công của UBND cấp huyện, cụ thể như sau:

- Cơ sở công nghiệp nông thôn (đơn vị thụ hưởng) gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về UBND cấp huyện (thông qua Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng) gồm các tài liệu sau:

+ Công văn đề nghị của đơn vị thụ hưởng;

+ Danh mục đề án đăng ký kế hoạch khuyến công;

- Trên cơ sở đăng ký của đơn vị thụ hưởng, Phòng kinh tế (hoặc Kinh tế và Hạ tầng) rà soát, lựa chọn đề án phù hợp và bổ sung thêm các nhiệm vụ khuyến công cấp huyện (không phải nhiệm vụ thường xuyên cấp huyện) để tổng hợp vào Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công trình UBND cấp huyện phê duyệt gửi Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp) trước ngày 30 tháng 5 hàng năm gồm các tài liệu sau:

+ Công văn đề nghị của UBND cấp huyện;

+ Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công (đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm kế hoạch, đề xuất nội dung hoạt động khuyến công của năm tiếp theo) và biểu tổng hợp các đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công theo Mẫu số 2 của Quy định này;

c) Trên cơ sở đăng ký của UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ theo danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công của UBND cấp huyện và bổ sung thêm các đề án, nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trình Sở Công Thương trước ngày 10 tháng 6 hàng năm để Sở Công Thương xem xét, tổng hợp xây dựng kế hoạch khuyến công.

5. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công đợt 2

a) Thực hiện xây dựng kế hoạch khuyến công đợt 2 nhằm xây dựng kế hoạch khuyến công cấp huyện và điều chỉnh, bổ sung đăng ký kế hoạch khuyến công cấp tỉnh, cụ thể như sau:

- Phòng Kinh tế (hoặc Kinh tế và Hạ tầng) lập báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện và điều chỉnh, bổ sung đăng ký kế hoạch khuyến công cấp tỉnh đợt 1 trình UBND cấp huyện trước ngày 05 tháng 9 hàng năm.

- Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện gồm các tài liệu sau:

+ Công văn đề nghị của Phòng Kinh tế (hoặc Kinh tế và Hạ tầng);

+ Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công (đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm kế hoạch, đề xuất nội dung hoạt động khuyến công của năm tiếp theo) và biểu tổng hợp các nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công của Phòng Kinh tế (hoặc Kinh tế và Hạ tầng), UBND cấp xã theo Mẫu số 2 của Quy định này;

- UBND cấp huyện thẩm định danh mục các nhiệm vụ khuyến công tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước của UBND cấp huyện gửi Sở Tài chính thẩm định dự toán. Sau khi có ý kiến thẩm định dự toán của Sở Tài chính, UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công cấp huyện;

- Trường hợp phát sinh điều chỉnh, bổ sung đề án, nhiệm vụ khuyến công so với đăng ký kế hoạch khuyến công đợt 1, trên cơ sở đề xuất của Phòng Kinh tế (hoặc Kinh tế và Hạ tầng), UBND cấp huyện đăng ký điều chỉnh, bổ sung kế

hoạch khuyến công cấp tỉnh gửi Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp) trước ngày 15 tháng 9 hàng năm gồm các tài liệu sau:

+ Công văn đề nghị của UBND cấp huyện;

+ Biểu tổng hợp các đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công theo Mẫu số 2 của Quy định này;

b) Căn cứ nội dung đăng kế hoạch khuyến công đợt 2 của UBND cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp bổ sung thêm các đề án, nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp để tổng hợp, hoàn chỉnh kế hoạch khuyến công toàn tỉnh, trình Sở Công Thương thẩm định trước ngày 18/10 hàng năm;

c) Sở Công Thương thẩm định danh mục các đề án, nhiệm vụ khuyến công tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước của Sở Công Thương gửi Sở Tài chính thẩm định dự toán. Sau khi có ý kiến thẩm định dự toán của Sở Tài chính, Sở Công Thương hoàn chỉnh kế hoạch khuyến công trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt".

4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 5. Xây dựng và phê duyệt đề án khuyến công**

1. Nguyên tắc lập đề án khuyến công

a) Phù hợp với chương trình, kế hoạch khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phù hợp với các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4; Danh mục, ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công địa phương theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai;

c) Phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về xây dựng và phê duyệt đề án khuyến công;

d) Việc lập đề án khuyến công áp dụng cho các nội dung khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP (trừ các nội dung xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn; kế hoạch khuyến công hàng năm; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công; nhiệm vụ khuyến công cấp huyện).

2. Nội dung đề án khuyến công: Đề án khuyến công có những nội dung chủ yếu sau:

a) Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

b) Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

c) Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

d) Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

đ) Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

e) Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Mẫu số 01 của Quy định này.

g) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

h) Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

3. Nội dung thẩm định đề án khuyến công

a) Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

c) Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

d) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

đ) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

4. Phê duyệt đề án khuyến công

Thẩm quyền phê duyệt đề án khuyến công thực hiện theo thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ, đề án khuyến công được quy định tại Điều 18 Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công và công tác quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai.

5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 6. Tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công**

1. Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công của UBND tỉnh, quyết định giao dự toán thu chi ngân sách của Sở Tài chính, Sở Công Thương tiến hành giao dự toán ngân sách cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp để triển khai thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công, cụ thể như sau:

a) Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp tổng hợp hồ sơ đề án, nhiệm vụ khuyến công trình Sở Công Thương thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hồ sơ thẩm định đối với đề án khuyến công gồm: Đề án được lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này; văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị thụ hưởng (đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng); bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (là bản sao

đã đối chiếu với bản chính hoặc bản in khai thác từ Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có xác nhận của cán bộ tiếp nhận hồ sơ; bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền); các tài liệu kèm theo (đối với một số dạng đề án phải kèm theo các tài liệu) theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công và công tác quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai.

c) Hồ sơ thẩm định đối với nhiệm vụ khuyến công không phải lập đề án gồm: Danh mục nhiệm vụ khuyến công theo Mẫu số 2 Quy định này, thuyết minh chi tiết và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khuyến công; các tài liệu giải trình kèm theo (nếu có);

d) Căn cứ quyết định phê duyệt đề án khuyến công của cấp có thẩm quyền, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tiến hành ký hợp đồng với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đề án.

2. Căn cứ quyết định giao dự toán thu chi ngân sách của Sở Tài chính, quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công của UBND cấp huyện, phòng Tài chính Kế hoạch tiến hành giao dự toán kinh phí cho Phòng Kinh tế (hoặc Kinh tế và hạ tầng), UBND cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến công, cụ thể như sau:

a) Phòng Kinh tế (hoặc Kinh tế và hạ tầng), UBND cấp xã tổng hợp hồ sơ nhiệm vụ khuyến công trình UBND cấp huyện thẩm định và phê duyệt;

b) Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ khuyến công: Theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

c) Căn cứ quyết định phê duyệt của UBND cấp huyện, Phòng Kinh tế (hoặc Kinh tế và hạ tầng) trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến công hoặc tiến hành ký hợp đồng với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

3. Các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm (sử dụng kinh phí khuyến công hỗ trợ cho một hội chợ, triển lãm); sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp.

4. Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại Khoản 3 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn.

5. Cách thức triển khai thực hiện đề án nhóm

a) Đề án nhóm gồm: Đề án đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý, khởi sự thành lập doanh nghiệp; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu;

b) Đề án nhóm không yêu cầu phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp khi thẩm định. Riêng đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải lập theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của vùng, địa phương trên cơ sở Danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ; phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, chủng loại máy móc thiết bị khi thẩm định và xác định đơn vị phối hợp, thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị khi lập kế hoạch triển khai.

6. Cách thức triển khai thực hiện đề án điểm

a) Khi thẩm định, các nội dung hoạt động khuyến công trong năm đầu kế hoạch phải xác định cụ thể địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp (trừ các nội dung theo nhóm thực hiện như quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này);

b) Đối với việc xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung hoạt động khuyến công phù hợp với tình hình thực tế, lập thành kế hoạch khuyến công cho năm dự toán ngân sách trên cơ sở đã xác định cụ thể các nội dung yêu cầu như đối với năm đầu kế hoạch trình Sở Công Thương thẩm định theo quy định;

c) Đề án điểm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công trong năm đầu kế hoạch, sẽ được ưu tiên bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước".

6. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi như sau:

"2. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết và các quy định hiện hành. Thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán, sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng quy định hiện hành."

**Điều 2. Bãi bỏ và thay thế từ ngữ**

1. Bãi bỏ "Mẫu số 3: Giấy đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương năm ...", "Mẫu số 4: Biên bản nghiệm thu cơ sở" và "Mẫu số 5: Phiếu thẩm tra đề án khuyến công" tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND.

2. Thay cụm từ "Trung tâm Khuyến công" bằng cụm từ "Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp" tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 3; Điểm b, c Khoản 3 Điều 3; Khoản 1, 2 Điều 8; tiêu đề Điều 11; Khoản 1, 5 Điều 13.

3. Thay cụm từ "kinh phí khuyến công quốc gia" bằng cụm từ "kinh phí khuyến công địa phương" tại cột thứ 9 từ trái sang; bổ sung từ "nhiệm vụ" ngay sau từ "đề án" của tiêu đề Mẫu số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

4. Thay cụm từ "Cục Công nghiệp địa phương" bằng cụm từ "Cục Công Thương địa phương" tại Khoản 3 Điều 8; Điểm b, c Khoản 2 Điều 11.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2019. Các nội dung khác tại Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Vĩnh**